

NGHỊ ĐỊNH

***Quy định về việc xác định trị giá hải quan
đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu***

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định việc xác định trị giá hải quan nhằm mục đích tính thuế và thống kê đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là đối tượng áp dụng Nghị định này.
- Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích các từ ngữ

1. "Trị giá giao dịch" là tổng số tiền người mua thực tế đã thanh toán hoặc sẽ phải thanh toán trực tiếp hay gián tiếp cho người bán để mua hàng hoá nhập khẩu, sau khi đã được điều chỉnh theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. "Bán để xuất khẩu đến Việt Nam" là hoạt động thương mại trong đó có sự chuyển dịch hàng hoá từ người bán sang người mua, qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam hoặc từ khu phi thuế quan vào thị trường nội địa, nhằm mục đích chuyển quyền sở hữu hàng hoá từ người bán sang người mua.

3. "Ngày xuất khẩu" sử dụng trong phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hệt và phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu tương tự là ngày xếp hàng lên phương tiện vận tải theo vận đơn; đối với hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ thì "ngày xuất khẩu" là ngày đăng ký tờ khai hải quan.

4. "Cửa khẩu nhập đầu tiên" là cảng đích ghi trên vận tải đơn. Đối với loại hình vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt hoặc đường sông quốc tế thì "cửa khẩu nhập đầu tiên" là cảng đích ghi trên hợp đồng.

5. "Thông tin có sẵn" là tất cả các thông tin liên quan đến việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế do người khai hải quan cung cấp cho cơ quan hải quan hoặc do cơ quan hải quan thu thập được tính đến thời điểm kiểm tra, xác định trị giá tính thuế. Các thông tin này phải được cơ quan hải quan lưu giữ, phân tích, quản lý tại cơ quan hải quan.

6. "Hàng hoá nhập khẩu giống hệt" là những hàng hoá giống nhau về mọi phương diện, kể cả đặc điểm vật lý, chất lượng và danh tiếng; được sản xuất ở cùng một nước, bởi cùng một nhà sản xuất hoặc nhà sản xuất khác theo sự uỷ quyền của nhà sản xuất đó, được nhập khẩu vào Việt Nam.

7. "Hàng hoá nhập khẩu tương tự" là những hàng hoá mặc dù không giống nhau về mọi phương diện nhưng có các đặc trưng cơ bản giống nhau, được làm từ các nguyên, vật liệu giống nhau; có cùng chức năng và có thể hoán đổi cho nhau trong giao dịch thương mại; được sản xuất ở cùng một nước, bởi cùng một nhà sản xuất

hoặc nhà sản xuất khác theo sự uỷ quyền của nhà sản xuất đó, được nhập khẩu vào Việt Nam.

8. "Còn nguyên trạng như khi nhập khẩu" sử dụng trong phương pháp xác định trị giá tính thuế theo trị giá khấu trừ, là hàng hoá sau khi nhập khẩu không bị bất cứ một tác động nào làm thay đổi hình dạng, đặc điểm, tính chất, công dụng của hàng hoá hoặc làm tăng, giảm trị giá của hàng hoá nhập khẩu.

9. Người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt khi:

a) Họ là nhân viên hoặc giám đốc của một doanh nghiệp khác;

b) Họ là những thành viên hợp danh, góp vốn trong kinh doanh được pháp luật công nhận;

c) Họ là chủ và người làm thuê;

d) Người bán có quyền kiểm soát người mua hoặc ngược lại;

đ) Họ đều bị một bên thứ ba kiểm soát;

e) Họ cùng kiểm soát một bên thứ ba.

Một người có quyền kiểm soát người khác quy định tại các điểm d, đ, e khoản 9 Điều này là người có thể hạn chế được hay chỉ đạo được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đối với người kia.

g) Họ có mối quan hệ gia đình sau:

- Vợ chồng;

- Bố mẹ và con cái được pháp luật công nhận;

- Ông bà và cháu, có quan hệ huyết thống với nhau;

- Cô chú bác và cháu, có quan hệ huyết thống với nhau;

- Anh chị em ruột;

- Anh chị em dâu, rể.

h) Một người thứ ba sở hữu, kiểm soát hoặc nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của cả hai bên;

i) Các bên liên kết với nhau trong kinh doanh, trong đó một bên là đại lý độc quyền, nhà phân phối độc quyền hoặc nhà chuyển nhượng độc quyền của bên kia được coi

là có mối quan hệ đặc biệt nếu như mối quan hệ đó phù hợp với quy định từ điểm a đến điểm h trên đây.

Điều 3. Thời điểm xác định trị giá hải quan

Thời điểm xác định trị giá hải quan là ngày người khai hải quan đăng ký tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định thì thời điểm xác định trị giá hải quan là ngày cơ quan hải quan xác định trị giá theo quy định tại Nghị định này.

Điều 4. Nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan nhằm mục đích tính thuế

Trị giá hải quan nhằm mục đích tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là trị giá tính thuế) được xác định theo nguyên tắc và phương pháp sau:

1. Đối với hàng hoá xuất khẩu, trị giá tính thuế là giá bán tại cửa khẩu xuất (giá FOB, giá DAF), không bao gồm phí bảo hiểm (I) và phí vận tải (F).
2. Đối với hàng hoá nhập khẩu, trị giá tính thuế là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên và được xác định bằng cách áp dụng tuần tự các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định từ Điều 7 đến Điều 12 Nghị định này và dừng ngay ở phương pháp xác định được trị giá tính thuế.

Trường hợp người khai hải quan có văn bản đề nghị thì trình tự áp dụng các phương pháp xác định trị giá tính thuế quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này có thể thay đổi cho nhau.

3. Bộ Tài chính căn cứ vào nguyên tắc xác định trị giá tính thuế quy định tại khoản 2 Điều này để quy định cụ thể việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu trong các trường hợp sau:

- a) Hàng hoá nhập khẩu đã được miễn thuế, đã đưa vào sử dụng tại Việt Nam nhưng sau đó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng hoặc thay đổi mục đích đã được miễn thuế trước đây;
- b) Hàng hoá nhập khẩu là hàng đi thuê mượn;
- c) Hàng hoá nhập khẩu là hàng đem ra nước ngoài sửa chữa, gia công;

d) Hàng bảo hành và hàng khuyến mại;

đ) Hàng hoá nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hàng hoá, bao gồm:

- Hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới;
- Hàng nhập khẩu của hành khách nhập cảnh, quà biếu, quà tặng, tài sản di chuyển vượt tiêu chuẩn (định mức) miễn thuế;
- Hàng hoá nhập khẩu của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính, phát chuyển nhanh.

e) Hàng hoá nhập khẩu đặc thù khác.

Điều 5. Trị giá hải quan phục vụ mục đích thống kê

1. Trị giá hải quan phục vụ mục đích thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là trị giá thống kê) được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Đối với hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế, trị giá thống kê được xác định dựa trên trị giá tính thuế đã được xác định theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Đối với hàng hoá không thuộc đối tượng chịu thuế, xét miễn thuế hoặc không xác định được trị giá tính thuế theo quy định tại Điều 4 Nghị định này thì trị giá thống kê là trị giá do người khai hải quan khai báo theo nguyên tắc sau:

- Đối với hàng hoá nhập khẩu, trị giá thống kê là giá bán tại cửa khẩu nhập đầu tiên (giá CIF);
- Đối với hàng hoá xuất khẩu, trị giá thống kê là giá bán tại cửa khẩu xuất (giá FOB, giá DAF).

2. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ trị giá thống kê.

Điều 6. Thông tin, cơ sở dữ liệu giá

1. Trị giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu được kiểm tra, xác định trên cơ sở dữ liệu giá, các thông tin có sẵn.

2. Bộ Tài chính quy định cụ thể việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá và các thông tin có sẵn.

Chương II